

Hãy đến trường tại thành phố Tsu

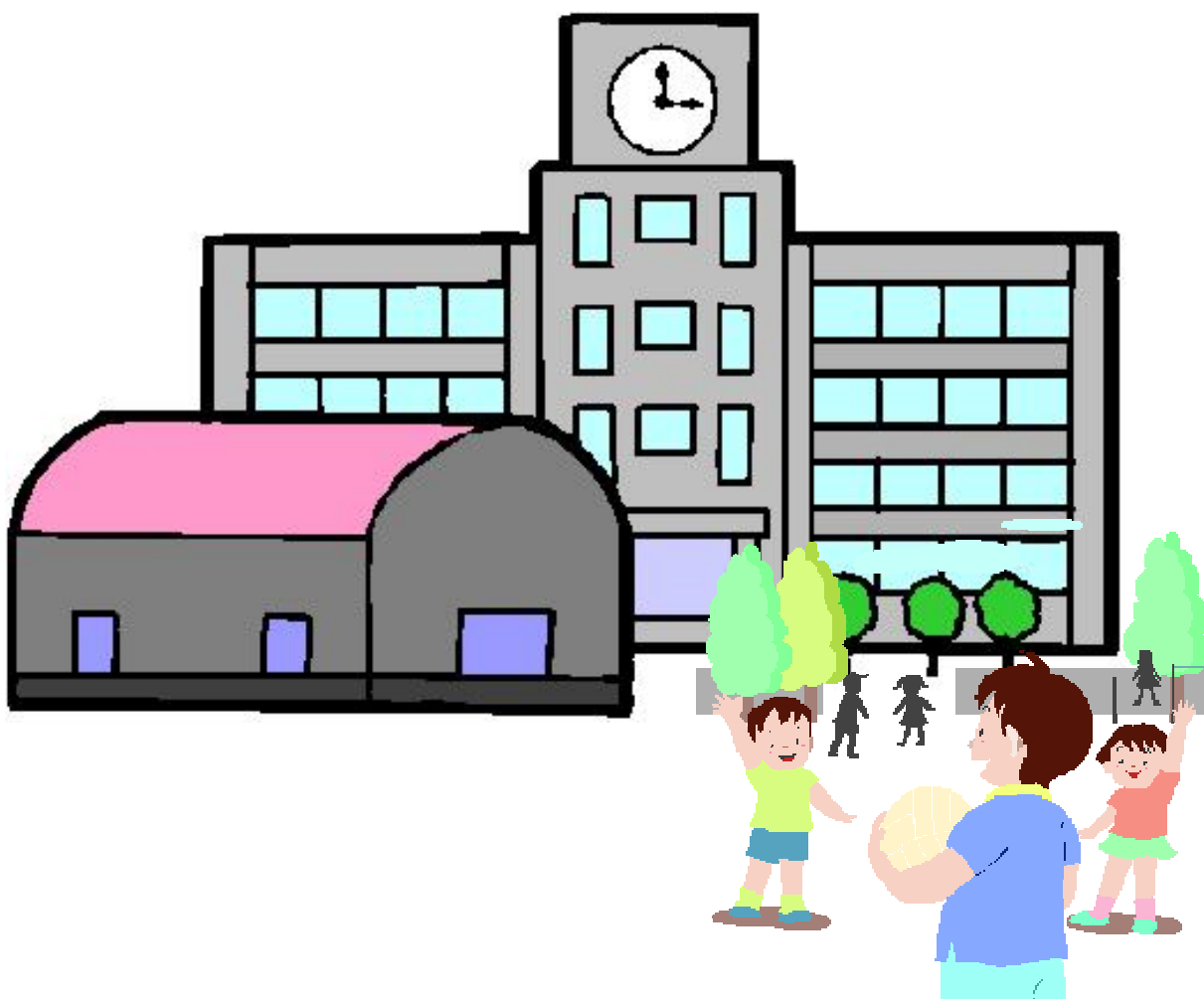
「Hướng dẫn nhập học」 dành cho bậc phụ huynh và trẻ em tại nước ngoài

がっこう い っし
学校へ行こう in 津市

がいこく ひと こ ほごしゃ しゅうがく
外国につながる人の子どもと保護者への「就学ガイダンス」

Hướng dẫn về giáo dục của Nhật Bản

に ほ ん きょういく
日本の教育ガイド ベトナム語版



Ủy ban giáo dục thành phố Tsu

つ し きょういく いん かい
津市教育委員会

《Chế độ giáo dục học đường》

がっこう きょういくせいど
学校の教育制度

Giáo dục phổ thông bắt buộc

ぎ む きょういく
義務教育について

Giáo dục phổ thông bắt buộc được áp dụng trong vòng chín năm kể từ khi trẻ đủ 6 tuổi đến đủ 15 tuổi.

Trường tiểu học khai giảng từ tháng 4 cho các em đủ 6 tuổi trở lên và học trong vòng 6 năm. Sau khi tốt nghiệp tiểu học các em sẽ được học tiếp 3 năm tại các trường trung học cơ sở.

Được miễn học phí tại các trường tiểu học công lập và các trường trung học cơ sở công lập.

Hệ thống trường học tại Nhật Bản

Bậc tiểu học: 6 năm

しょうがっこう ねんかん
小学校 6年間



Bậc trung học cơ sở: 3 năm

ちゅうがっこう ねんかん
中学校 3年間



Bậc trung học phổ thông: 3 năm

こうとうがっこう ねんかん
高等学校 3年間



Bậc đại học: 4 năm

だいがく ねんかん
大学 4年間

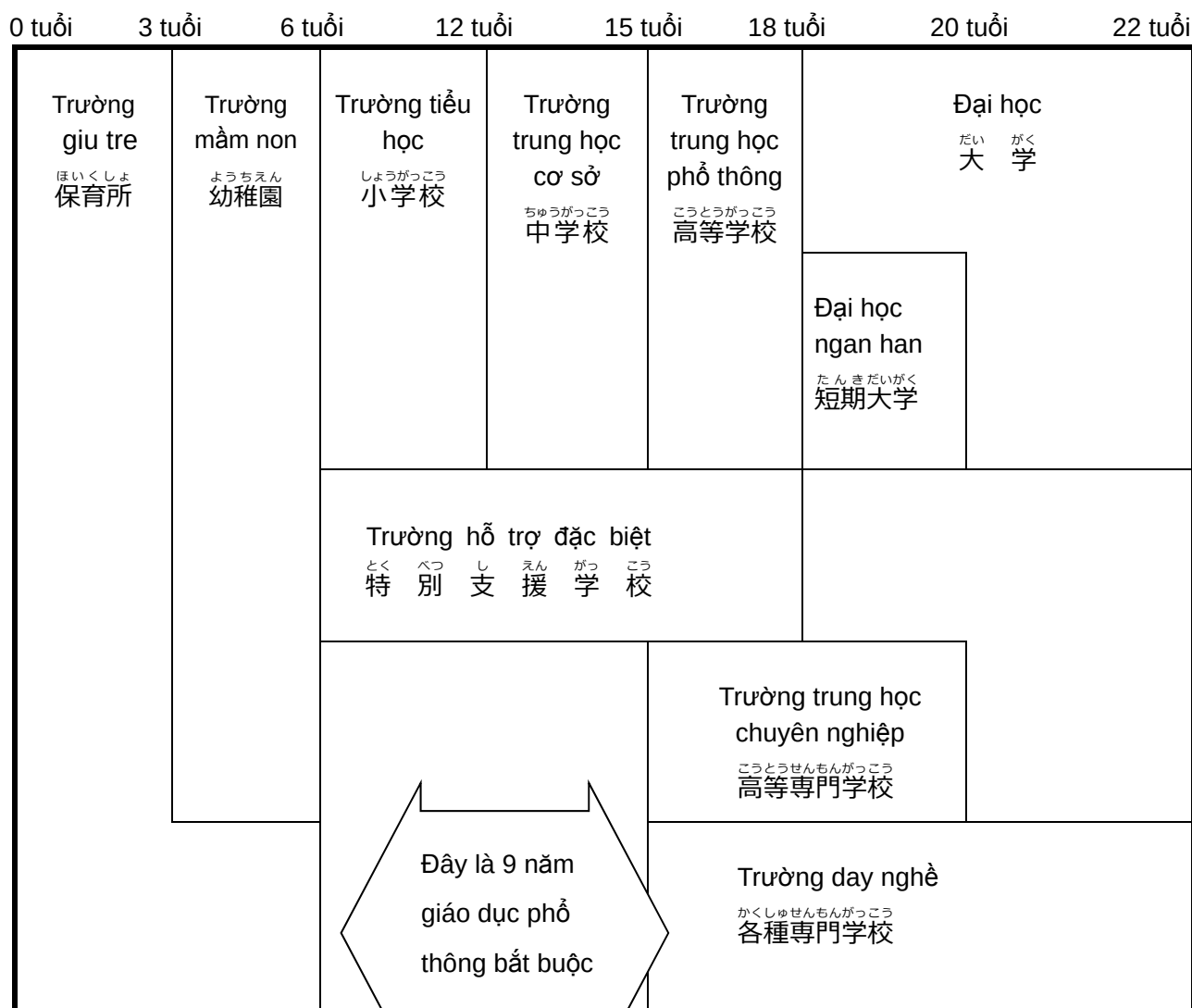
Giáo dục phổ thông bắt buộc ぎ む きょういく
義務教育



※ Để nhập học phải làm “しんせいしよ 申請書 (shinseisho): Đơn xin” và nộp cho きょういくいんかい 教育委員会 (kyouiku iinkai): Ủy ban giáo dục.

Các em sẽ tham gia lễ khai giảng vào tháng 4 khi bắt đầu đủ 6 tuổi, và sẽ được phân lớp học phù hợp với từng độ tuổi

Ở bậc Trung học phổ thông, để có thể tham gia vào loại hình trường đào tạo toàn thời gian(khóa học ban ngày), hoặc trường đào tạo bán thời gian (khóa học buổi đêm), hoặc đào tạo từ xa (học thông qua phương tiện thông tin truyền thanh), thì các em phải thi đỗ qua kỳ thi tuyển chọn.



Khi tham gia chương trình giáo dục phổ thông bắt buộc, các em sẽ được miễn học phí nhưng phải đóng tiền ăn và lệ phí tài liệu giảng dạy..v.v.

Trường tiểu học しょうがっこう 小学校

- Tiếng Nhật こくご 国語
- Toán さんすう 算数
- Sinh hoạt せいかつ 生活
- Nhạc おんがく 音楽
- Thủ công ずこう 図工
- Thể dục たいいく 体育
- Tiếng Anh えいご 英語
- Đạo đức どうとく 道徳
- Các hoạt động đặc biệt とくべつかつどう 特別活動



Một ngày ở trường tiểu học しょうがっこう にち 小学校の1日

- | | |
|---|-----------|
| Đến trường <small>とう こう</small> 登校 | 8 : 00 ~ |
| Chào buổi sáng <small>あさ かい</small> 朝の会 | 8 : 30 ~ |
| Tiết thứ 1 <small>げんめ</small> 1 限目 | 8 : 45 ~ |
| Tiết thứ 2 <small>げんめ</small> 2 限目 | 9 : 30 ~ |
| Nghỉ giải lao giữa giờ <small>やす じかん</small> 休み時間 | 10 : 25 ~ |
| Tiết thứ 3 <small>げんめ</small> 3 限目 | 10 : 45 ~ |
| Tiết thứ 4 <small>げんめ</small> 4 限目 | 11 : 35 ~ |
| Giờ ăn trưa <small>きゅうしょくじ かん</small> 給食時間 | 12 : 20 ~ |
| Nghỉ giải lao buổi trưa <small>ひるやす</small> 昼休み | 13 : 00 ~ |
| Giờ vệ sinh <small>そうじじかん</small> 掃除時間 | 13 : 20 ~ |
| Tiết thứ 5 <small>げんめ</small> 5 限目 | 13 : 45 ~ |
| Chuẩn bị về <small>かえ かい</small> 帰りの会 | 14 : 30 ~ |
| Về nhà <small>げ こう</small> 下校 | 14 : 50 ~ |



《Một ngày ở trường tiểu học》

しょうがっこう にち
小学校の1日

Đến trường 登校	8 : 0 0 ~	Các em tập trung theo nhóm các bạn bè nhau và đi theo tuyến đường đã qui định để đến trường.
Chào buổi sáng 朝の会	8 : 3 0 ~	Các em thực hiện việc kiểm tra sức khỏe và các liên lạc giữa gia đình và nhà trường..v...v.. của ngày hôm đó.
Tiết thứ 1 1 限目	8 : 4 5 ~	【Giảng dạy】 Tuy theo ngày hay lớp học mà lịch học khác nhau. Tuy nhiên , một tiết học tại các trường tiểu học là 45 phút và ở trường trung học cơ sở, trung học phổ thông là 50 phút . Giữa tiết thứ hai và tiết thứ ba các em được nghỉ giải lao dài hơn một chút.
Tiết thứ 2 2 限目	9 : 3 0 ~	
Nghỉ giải lao giữa giờ 休み時間	1 0 : 2 5 ~	
Tiết thứ 3 3 限目	1 0 : 4 5 ~	
Tiết thứ 4 4 限目	1 1 : 3 5 ~	
Giờ ăn trưa 給食時間	1 2 : 2 0 ~	Các em cung an tập trung bữa trưa
Nghỉ giải lao buổi trưa 昼休み	1 3 : 0 0 ~	
Giờ vệ sinh 掃除時間	1 3 : 2 0 ~	Các em làm vệ sinh trường, lớp.
Tiết thứ 5 5 限目	1 3 : 4 5 ~	
Chuẩn bị về 帰りの会	1 4 : 3 0 ~	Lien lạc về việc phải làm cũng như những thứ phải mang đến trường của ngày hôm sau.
Về nhà 下校	1 4 : 5 0 ~	Về nhà cùng bạn bè

(Tùy từng trường. Thời gian là khác nhau)

※Giờ giảng dạy, giờ về sẽ khác nhau tùy theo ngày và lớp học. Với các em lớp 1 hầu hết sẽ học 4 tiết hay 5 tiết trong 1 ngày. Hầu như các em được nghỉ thứ bảy, chủ nhật.

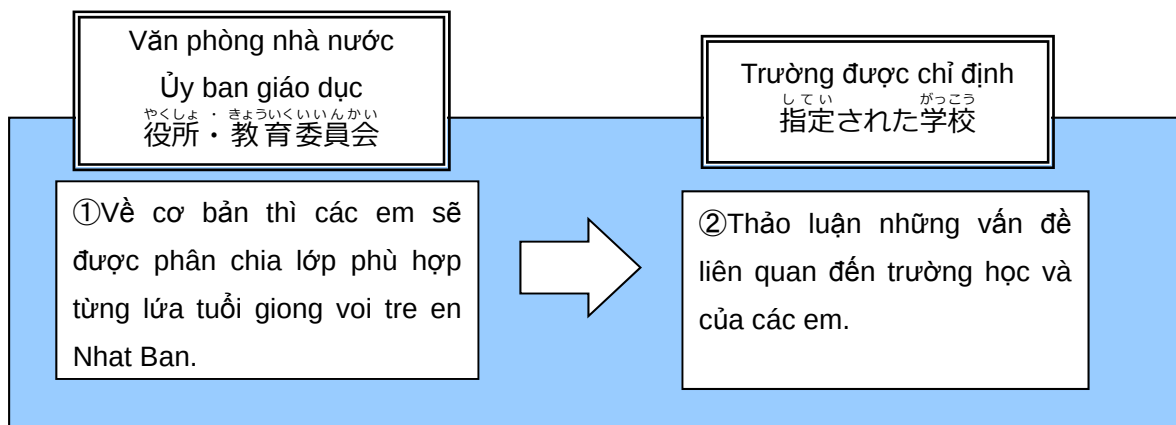
※Về qui định thì các em được nghỉ vào ngày thứ bảy, chủ nhật, ngày lễ, tết, nhưng có thể trường học sẽ tổ chức lễ hội thao, học thêm có phụ huynh tham gia vào những ngày thứ bảy, chủ nhật.

Thủ tục nhập học しゅうがく てつづ 就学の手続き

1 Thủ tục nhập học vào trường tiểu học, trung học cơ sở (học chuyển tiếp)

(1) Thủ tục tại văn phòng nhà nước やくしよ (役所 : yakusho) やくしよ てつづ 役所での手続き

Khi các em đến tuổi nhập học vào trường tiểu học, trường trung học cơ sở (hay những trường hợp chuyển tiếp) thì bậc phụ huynh làm thủ tục này tại trường được chỉ định theo chỉ dẫn của Ủy ban giáo dục của thành phố, quận, huyện.



(2) Thủ tục tại các trường tiểu học, trung học cơ sở. しょうちゅうがっこう てつづ 小中学校での手続き

Để có thể thoải mái hơn trong sinh hoạt tại trường, hãy trao đổi những vấn đề sau với nhà trường.

①	Xác nhận cách ghi tên, cách phát âm, ngày tháng năm sinh, họ và tên của học sinh ...v...v.
②	Các thành viên trong gia đình (họ tên)
③	Địa chỉ hiện tại
④	Cách liên lạc (trường hợp khẩn cấp, số điện thoại nơi làm việc, thông dịch viên...v..v)
⑤	Đối với trường hợp chuyển tiếp hãy thông báo tên trường đã học (bao gồm tên trường trước khi và sau khi đến Nhật), lực học...v..v.
⑥	Thời hạn có thể cư trú của bậc phụ huynh
⑦	Trình độ tiếng Nhật của học sinh và các thành viên trong gia đình
⑧	Tính cách, mục tiêu dinh dưỡng trong tương lai của các em.
⑨	Tình hình sức khỏe (bệnh tật, thị lực, thính lực, dị ứng...v..v.)
⑩	Cách suy nghĩ về giáo dục của các em và của các vị phụ huynh
⑪	Yêu cầu nhà trường có sự quan tâm, chăm sóc đặc biệt.

Về môn học きょうか 教科について

Tại trường tiểu học các em sẽ được học các môn như môn tiếng Nhật, xã hội, toán, lý, sinh hoạt, tiếng Anh, nhạc, đồ họa, kỹ năng gia đình và các môn thể dục, đạo đức, các hoạt động đặc biệt và sinh hoạt tổng hợp khác..v.v

※Lớp 1 có những môn học sau: tiếng Nhật, toán, sinh hoạt, nhạc, đồ họa(thủ công), thể dục, đạo đức, hoạt động đặc biệt.

Về sách giáo khoa きょうかしょ 教科書について

Sách giáo khoa nhằm phục vụ cho việc học tập tại cấp tiểu học, trung học cơ sở sẽ được nhà nước cấp miễn phí cho từng em khi vào năm học mới

Ngoài sách giáo khoa thì những tài liệu tham khảo, sách tham khảo do nhà trường sử dụng mà muốn mua thì phải trả phí.

Về việc học tập がくしゅう 学習について

Một tiết học là 45 phút đối với cấp tiểu học.

Giữa tiết sẽ nghỉ giải lao khoảng 10 phút

Ở tiểu học, hầu hết các môn học do giáo viên chủ nhiệm giảng dạy

Học sinh sẽ học theo thời khóa biểu

Đến giờ học môn tiếp theo, các em phải quay trở lại chỗ ngồi.

Vấn đề hỗ trợ nhập học しゅうがくえんじょ 就学援助について

Tùy vào tình hình kinh tế mà được Ủy ban giáo dục thành phố xác nhận thuộc trường hợp khó khăn trong việc nhập học vào các trường tiểu học, trường trung học cơ sở công lập thì có thể sẽ được hỗ trợ chi phí mua dụng cụ học tập, chi phí suất ăn tại trường.

Vấn đề đến trường とうこう 登校について

Các em đến trường theo tuyến đường đã qui định.

Việc đến trường theo nhóm được thực hiện hay không tùy theo từng khu vực. Đó là việc hàng ngày những em học sinh ở gần nhà nhau tập trung ở một địa điểm định sẵn, tại một giờ nhất định để cùng nhau tới trường.

〈Trường hợp vắng mặt, muộn giờ, về sớm〉

けっせき ちこく そうたい ばあい
欠席や遅刻・早退の場合

Vắng mặt, muộn giờ けっせき ちこく 欠席・遅刻

Trường hợp vắng mặt hoặc muộn giờ, phụ huynh phải thông báo với nhà trường bằng cách gọi điện trực tiếp hay viết vào sổ liên lạc và đưa qua bạn bè. Nếu không sẽ làm cho giáo viên chủ nhiệm lo lắng và gọi điện đến nhà của học sinh.

Về sớm そうたい 早退

Trong trường hợp các em đã đến trường nhưng muốn về trước giờ ra về thì phải được sự đồng ý của giáo viên.

Nếu đột nhiên học sinh bị mệt mỏi hay có việc gấp thì giáo viên có trách nhiệm liên lạc với phụ huynh, sau đó sẽ giao học sinh khi phụ huynh đến đón.

Về giờ ăn trưa きゅうしょく じかん 給食の時間について

Tại cấp tiểu học, các em sẽ được ăn cơm trưa tại trường. Bữa cơm ở trường đều do các em tự mình lấy đồ ăn và sau khi ăn xong, các em phải dọn dẹp, làm vệ sinh. Các em sẽ ăn cùng bạn trong lớp và giáo viên. Thực đơn được thay đổi hàng ngày, các món ăn do nhà chuyên môn về dinh dưỡng tạo ra nhằm cho các em phát triển tốt và khỏe mạnh.

Chi phí cho bữa trưa tại trường sẽ do phụ huynh chi trả, bao gồm chi phí nguyên liệu khoảng 4000 yên /1 tháng.

Giờ làm vệ sinh そうじ じかん 掃除の時間について

Tại trường học ở Nhật, học sinh tự phân công nhau dọn dẹp vệ sinh sạch sẽ phòng học, sân trường mà mình đã sử dụng.

Học sinh sẽ làm tổng vệ sinh sau mỗi học kỳ. Khi vào năm học mới, việc nộp trước 「ぞうきん : khăn lau」 để sử dụng khi làm vệ sinh sẽ tùy theo qui định của mỗi trường.

Về học buổi chiều ご ごと がくしゅう 午後の学習について

Học tập sẽ diễn ra vào buổi chiều theo thời gian biểu

Trở về nhà げこう 下校について

Hãy rủ bạn gần nhà để cùng về.

Giờ về ở mỗi trường là khác nhau.

《Những sự kiện tạo nên mối quan hệ sâu sắc với các vị phụ huynh》

ほごしゃ かんけい ふか ぎょうじ
保護者と関係の深い行事

Tại trường học ở Nhật, phụ huynh có cơ hội tiếp xúc và trao đổi thông tin của con em mình với giáo viên. Đó là những thắc mắc trong học tập, sinh hoạt, ví dụ như tình trạng bắt nạt bạn bè, không muốn đến trường, học tiếp lên lớp...v.v.

Để tạo cơ hội trao đổi thông tin, nhà trường có các hoạt động như sau:

1. Đến thăm nhà かていほうもん 家庭訪問

Giáo viên chủ nhiệm sẽ tới thăm nhà học sinh để trao đổi thông tin về sinh hoạt hàng ngày ở trường của các em, cũng như biết tình trạng gia đình của từng em một.

2. Họp phụ huynh ほごしゃかい 保護者会

Phụ huynh đến trường nghe thầy hiệu trưởng trình bày, thảo luận với giáo viên chủ nhiệm. các cuộc nói chuyện chủ yếu liên quan đến các vấn đề chung của toàn thể học sinh hơn là các trao đổi mang tính chất cá nhân.

3. Trao đổi cá nhân こじんめんだん 個人面談

Thông thường đây là cuộc nói chuyện giữa bản thân học sinh hoặc phụ huynh với giáo viên chủ nhiệm. Đây là cơ hội tốt để có thể tâm sự những lo lắng, vướng mắc của bản thân. Trao đổi cá nhân sẽ được tiến hành theo ngày, giờ hẹn trước do giáo viên chủ nhiệm thông báo.

Ngoài ra, tùy theo từng trường, có trường cũng dựa theo nguyện vọng của phụ huynh mà sắp xếp các cuộc trao đổi vào lúc thích hợp, hay bố trí người phiên dịch.

《Một năm học tại trường tiểu học》

しょうがっこう いちねんかん
小学校の一年間

Học kỳ một いちがっき 一学期	Tháng 4 がっ 4月	Lễ nhập học 入学式 にゅうがくしき Lễ chào đón, chúc các em vào lớp 1. Lễ khai giảng 始業式 しぎょうしき Buổi lễ bắt đầu vào học kỳ 1. Kiểm tra cơ thể. Khám sức khỏe định kỳ しんたいそくてい ていきけんこうしんだん 身体測定・定期健康診断
	Tháng 5 がっ 5月	Kiểm tra cân nặng, chiều cao cơ thể, chiều cao ngồi Ngoài ra, bác sĩ kiểm tra tình trạng sức khỏe của trẻ Đi dã ngoại 遠足 えんそく Các em đi bộ hoặc xe buýt.v.v để quan sát, học hỏi về tự nhiên, lịch sử, văn hóa..mà những thứ không thể học trong lớp học (Mang theo cơm hộp) Đi thăm quan ngoại khóa cuối cấp しゅうがくりょこう 修学旅行
	Tháng 6 がっ 6月	Hoạt động này chủ yếu dành cho toàn thể các em lớp 6 đi du lịch trong vòng 2 ngày. Tham gia giờ học. Họp phụ huynh じゅぎょうさんかん がっきゅうこんだんかい 授業参観・学級懇談会 Đây là cơ hội cho phụ huynh tiếp xúc, quan sát những sinh hoạt hàng ngày tại trường của các em. Cơ hội trao đổi thông tin ở trường và ở nhà của các em với giáo viên chủ nhiệm.
	Tháng 7 がっ 7月	Lễ tổng kết 終業式 しゅうぎょうしき Buổi lễ kết thúc học kỳ 1
Nghỉ hè なつやす 夏休み	Tháng 8 がっ 8月	Kỳ nghỉ dài khoảng từ 30 ngày đến 40 ngày やく にち にちかん なが やす 約30日から 40日間の長い休みです。



Học kỳ 2 に がっ き 二学期	Tháng 9 がつ 9月	Lễ khai giảng しぎょうしき 始業式 Buổi lễ bắt đầu vào học kỳ 2
	Tháng 10 がつ 10月	Hội thao うんどうかい 運動会 Các em sẽ hợp sức tham gia vào các hoạt động thể thao như chạy cự li ngắn, chạy liên sức, nhảy múa... trong sự ủng hộ của bạn bè.
	Tháng 11 がつ 11月	Lễ phát biểu sinh hoạt lớp せいかつはっぴようかい 生活発表会 Tại đây các em sẽ trưng bày các sản phẩm thủ công, các báo cáo trong môn xã hội học hay thực nghiệm vật lý của bản thân... Cũng như biểu diễn và thưởng thức âm nhạc, hát xướng, diễn kịch..
	Tháng 12 がつ 12月	Lễ tổng kết しゅうぎょうしき 終業式 Buổi lễ kết thúc học kỳ 2
Nghỉ đông ふゆやす 冬休み	Tháng 1 がつ 1月	Nghỉ trong vòng khoảng 2 tuần やく しゅうかん やす 約 2 週間ほどの休みがあります。
Học kỳ 3 さん がっ き 三学期		Lễ khai giảng しぎょうしき 始業式 Buổi lễ bắt đầu vào học kỳ 3.
	Tháng 2 がつ 2月	
	Tháng 3 がつ 3月	Lễ tốt nghiệp そつぎょうしき 卒業式 Buổi lễ chúc mừng học sinh cuối cấp tốt nghiệp. Lễ bế giảng しゅうりょうしき 修了式 Buổi lễ kết thúc học kỳ đồng thời khép lại một năm học.
Nghỉ xuân はるやす 春休み		Sau lễ bế giảng, các em bước vào kỳ nghỉ xuân. Khi kết thúc kỳ nghỉ này, các em sẽ vào năm học mới bắt đầu từ tháng 4

(Tùy từng trường. Có trường áp dụng 2 học kỳ)

(Khi muốn nghe, muốn hỏi...)

Co quan hanh chinh thanh pho Tsu 津市市役所**(ngày thường: 8:30-17:15)**

Tsu-shi nishi maru no uchi 23 ban 1 go

○Shiminkouryuka: Phòng giao lưu nhân dân 市民交流課 (tầng 3: TEL 059-229-3146)

- Có thể sử dụng tiếng Bồ Đào Nha, tiếng Tây Ban Nha, tiếng Anh
- Bạn có khả năng nhận được các thông tin về thủ tục hành chính và chế độ của thành phố Tsu

○Kosodate suishinka: Phòng thúc đẩy chăm sóc trẻ em 子育て推進課

(tầng 3: TEL 059-229-3167)

- Bạn có khả năng nhận được thông tin về thủ tục xin nhập vào trường mầm non.
- Bạn có thể hỏi các vấn đề liên quan đến trường mầm non.

○Chuouhoken senta: Trung tâm bảo hiểm Chuou 中央保健センター

(Rijonpuraza tầng 1* TEL 059-229-3164)

- Bạn có khả năng nhận được các thông tin về khám sức khỏe định kỳ cho trẻ cũng như tiêm chủng.

Kyouikuiinkai: Ủy ban giáo dục 教育委員会**(ngày thường: 8:30-17:15)**

Tsu-shi nishi maru no uchi 37 ban 8 go

○Kyouikuiinkai: Ủy ban giáo dục 教育委員会 (tầng 2, TEL: 059-229-3249)

- Bạn có khả năng nhận được thông tin về trường để nhập học.
- Bạn có thể hỏi về thủ tục nhập học, hỗ trợ nhập học cho trẻ vào trường mầm non, trường học.
- Bạn có thể hỏi các vấn đề liên quan đến giáo dục trẻ, các thông tin của trường mầm non, trường tiểu học và trường trung học cơ sở.

Phong giao luu quoc te tinh Mie (ngày thường 9:00-17:00)みえけんこくさいこうりゅうざいだん
三重県国際交流財団

Tsu-shi hadokoro-cho 700 asuto tsu tầng 3 TEL 059-223-5006

- (Từ thứ hai đến thứ sáu) Ngôn ngữ sử dụng tiếng Anh, tiếng Bồ Đào Nha, tiếng Tagalog, tiếng Tây Ban Nha. Với tiếng Trung Quốc, tiếng Thái, tiếng Indonesia thì bạn hãy sử dụng tiếng Nhật gọi điện đến trung tâm, nói tên và số điện thoại liên lạc của bạn với người của trung tâm. Sau đó sẽ có nhân viên biết ngôn ngữ của bạn liên lạc lại với bạn, bạn có thể hỏi các vấn đề cần thiết.
- Bạn có thể hỏi cách giải quyết các khó khăn, những điều không biết trong cuộc sống



《Liên hệ》 お問い合わせ

〒 514-8611

Mie-ken Tsu-shi nishimarunouchi 37 ban 8 go

みえけんつしにしまるのうち ばん ごう
三重県津市西丸之内37番8号

Tsushi kyoikuiinkaijimukyoku jinkenkyoikuka

つし きょういくいんかい じむきょく じんけんきょういくか
津市教育委員会事務局 人権教育課

TEL 059-229-3253

FAX 059-229-3017